

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thưởng khuyến khích học tập đối với sinh viên hệ đại học
theo Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân
tỉnh Quảng Ninh, học kỳ I năm học 2021-2022**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG

Căn cứ Quyết định số 2551/QĐ-UBND ngày 12/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Hạ Long; Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc kiện toàn cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Hạ Long;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND ngày 27/08/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc quy định chính sách thu hút, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao tại Trường Đại học Hạ Long, Trường Cao đẳng Việt – Hàn Quảng Ninh và Trường Cao đẳng Y tế Quảng Ninh giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng xét kết quả rèn luyện, học tập học kỳ I, năm học 2021-2022 ngày 23/3/2022;

Theo đề nghị của Trường phòng Công tác Chính trị, Quản lý và Hỗ trợ sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thưởng khuyến khích học tập cho 171 (Một trăm bảy mươi một) sinh viên, trong đó: 03 (ba) sinh viên đạt danh hiệu sinh viên xuất sắc, 168 (một trăm sáu mươi tám) sinh viên đạt danh hiệu sinh viên giỏi học kỳ I, năm học 2021- 2022 với số tiền 1.293.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm chín mươi ba triệu đồng chẵn).

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Mức học bổng và thời gian hưởng:

- Học bổng loại giỏi: 1.500.000 đồng/tháng;
- Học bổng loại xuất sắc: 2.200.000 đồng/tháng;
- Số tháng được hưởng: 05 tháng.

Điều 3. Trưởng các Phòng: Công tác Chính trị, Quản lý và Hỗ trợ sinh viên; Kế hoạch - Tài chính; Các khoa có sinh viên hưởng chế độ và những sinh viên có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- HT và các PHT(báo cáo);
- Như Điều 3 (thực hiện);
- Lưu: VT, CTSV.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Trần Trung Vỹ



UBND TỈNH QUẢNG NINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC THƯỞNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP (HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2021-2022)
THEO NGHỊ QUYẾT 35/2021/NQ-HĐND NGÀY 27/8/2021 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

(Kèm theo Quyết định số 329/QĐ-ĐHHL, ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hạ Long)

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm học tập	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Định mức	Số tiền thưởng
1	Lê Thị Linh Hào	12/01/2000	ĐH NN Trung Quốc K4A	9,06	90,0	Xuất sắc	2.200.000	11.000.000
2	Phan Quang Duẩn	21/04/2001	ĐH NT thủy sản K4	9,01	94,0	Xuất sắc	2.200.000	11.000.000
3	Lê Thị Ngân An	27/12/2000	ĐH QTDVDL&LH K4C	9	92,0	Xuất sắc	2.200.000	11.000.000
4	Đỗ Thị Thơi	21/08/2000	ĐH QT khách sạn K3B	8,85	85,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
5	Nguyễn Thị Thuận	23/04/2000	ĐH QT khách sạn K3B	8,51	84,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
6	Bùi Thị Minh Hằng	09/03/2000	ĐH QT khách sạn K3B	8,43	84,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
7	Ngọc Thị Ly	20/12/2000	ĐH QT khách sạn K3A	8,39	86,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
8	Vũ Thị Lan Anh	13/11/2000	ĐH QT khách sạn K3A	8,38	86,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
9	Phan Thanh Trang	27/08/2000	ĐH QT khách sạn K3A	8,37	86,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
10	Phạm Thị Phương Thảo	16/09/2000	ĐH QT khách sạn K3B	8,33	84,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
11	Nguyễn Mạnh Quý	26/11/2000	ĐH QT khách sạn K3A	8,31	86,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
12	Nguyễn Phương Thảo	10/02/2000	ĐH QT khách sạn K3B	8,29	83,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
13	Nguyễn Thị Oanh	11/11/2000	ĐH QT khách sạn K3A	8,26	86,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
14	Nguyễn Thị Thanh Huyền	23/09/2000	ĐH QT khách sạn K3B	8,25	84,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
15	Phạm Thị Ngọc Bảo	18/12/2000	ĐH QT khách sạn K3A	8,19	86,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
16	Nguyễn Thu Quyên	20/10/2000	ĐH QT khách sạn K3B	8,15	80,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
17	Đặng Thanh Hương	07/11/2000	ĐH QT khách sạn K3B	8,13	83,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
18	Nguyễn Thị Thu Huyền	11/07/2000	ĐH QT khách sạn K3A	8,11	86,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
19	Đàm Quang Minh	28/03/2000	ĐH QT khách sạn K3B	8,1	90,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm học tập	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Định mức	Số tiền thưởng
20	Nguyễn Mạnh Phú	26/11/2000	ĐH QT khách sạn K3A	8,09	88,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
21	Đàm Trà Mi	30/11/2000	ĐH QT khách sạn K3B	8,09	82,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
22	Nguyễn Hoàng Minh Hiếu	27/09/2000	ĐH QT khách sạn K3B	8,07	88,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
23	Đỗ Thị Kim Huyền	19/02/2000	ĐH QT khách sạn K3B	8,07	84,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
24	Phạm Ngọc Anh	28/11/2000	ĐH QT khách sạn K3A	8,05	85,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
25	Lưu Vũ Trà My	15/05/2000	ĐH QT khách sạn K3B	8,05	82,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
26	Bế Thị Vân	10/09/2000	ĐH QT khách sạn K3B	8,04	84,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
27	Nguyễn Thị Định	21/01/2000	ĐH QT khách sạn K3B	8,03	90,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
28	Nguyễn Thị Dịu	26/09/2001	ĐH QT khách sạn K4A	8,63	90,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
29	Nguyễn Lan Hương	17/03/2001	ĐH QT khách sạn K4C	8,25	89,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
30	Phạm Thị Hải Anh	30/01/2001	ĐH QT khách sạn K4C	8,18	87,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
31	Trần Thị Ngọc Lan	30/03/2001	ĐH QT khách sạn K4A	8,1	88,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
32	Trần Khánh Huyền	16/10/2001	ĐH QT khách sạn K4C	8,01	86,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
33	Phạm Thị Thu Hà	17/01/2002	ĐH QT khách sạn K5A	8,63	86,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
34	Dương Thị Nhung	05/05/2002	ĐH QT khách sạn K5C	8,62	94,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
35	Đỗ Thị Thu Trang	04/12/2002	ĐH QT khách sạn K5C	8,59	90,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
36	Nguyễn Phương Linh	23/12/2002	ĐH QT khách sạn K5D	8,49	85,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
37	Lê Nguyễn Khánh Ly	23/05/2002	ĐH QT khách sạn K5C	8,44	83,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
38	Trần Thu Hà	20/09/2002	ĐH QT khách sạn K5C	8,41	84,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
39	Vương Thị Thanh Thời	14/03/2002	ĐH QT khách sạn K5A	8,38	85,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
40	Phùng Thị Duyên	30/08/2002	ĐH QT khách sạn K5B	8,36	89,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
41	Nguyễn Thị May	07/02/2002	ĐH QT khách sạn K5C	8,29	83,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
42	Phạm Khắc Tùng	31/07/1999	ĐH QT khách sạn K5A	8,26	86,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
43	Nguyễn Thị Thu Yến	29/05/2002	ĐH QT khách sạn K5A	8,25	86,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
44	Nguyễn Phương Thảo	13/11/2002	ĐH QT khách sạn K5B	8,24	85,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
45	Ngô Thu Hằng	20/07/2002	ĐH QT khách sạn K5A	8,19	90,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm học tập	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Định mức	Số tiền thưởng
46	Lê Đào Cẩm Ly	11/08/2002	ĐH QT khách sạn K5D	8,19	85,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
47	Nguyễn Bảo Phương	09/07/2002	ĐH QT khách sạn K5D	8,18	86,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
48	Hoàng Thị Yến	20/10/2002	ĐH QT khách sạn K5D	8,16	86,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
49	Phạm Thị Thanh Nhân	20/01/2002	ĐH QT khách sạn K5A	8,15	83,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
50	Nguyễn Thị Dung Nhi	23/08/2002	ĐH QT khách sạn K5B	8,15	85,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
51	Phạm Lê Phương	24/09/2001	ĐH QT khách sạn K5B	8,11	92,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
52	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	28/05/2002	ĐH QT khách sạn K5B	8,07	84,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
53	Bùi Thị Quỳnh Anh	06/08/2002	ĐH QT khách sạn K5A	8,06	83,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
54	Nghiêm Thảo Vân	11/12/2002	ĐH QT khách sạn K5D	8,06	90,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
55	Nguyễn Văn Toàn	15/04/2002	ĐH QT khách sạn K5C	8,05	90,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
56	Đinh Xuân Quỳnh	04/09/2002	ĐH QT khách sạn K5B	8,04	90,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
57	Nguyễn Tú Uyên	11/12/2002	ĐH QT khách sạn K5A	8,02	86,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
58	Bùi Thị Huyền	20/08/2002	ĐH QT khách sạn K5C	8,02	82,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
59	Vũ Thị Thanh Thu	05/12/1999	ĐH QTDVDL&LH K4B	8,8	90,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
60	Phạm Đức Hải	05/05/2000	ĐH QTDVDL&LH K4C	8,74	90,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
61	Nguyễn Thùy Trang	13/07/2000	ĐH QTDVDL&LH K4B	8,7	89,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
62	Trần Thị Hương Mai	08/07/2000	ĐH QTDVDL&LH K4B	8,68	89,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
63	Phan Minh Trúc	20/12/2000	ĐH QTDVDL&LH K4C	8,64	91,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
64	Nguyễn Văn Tiến Mạnh	11/02/2000	ĐH QTDVDL&LH K4B	8,62	90,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
65	Bùi Đức Độ	18/02/2000	ĐH QTDVDL&LH K4A	8,6	91,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
66	Đinh Thị Ngọc Lan	03/10/2000	ĐH QTDVDL&LH K4C	8,6	81,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
67	Tô Thị Hương	04/11/2000	ĐH QTDVDL&LH K4B	8,58	89,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
68	Nguyễn Thị Thuý	19/08/2000	ĐH QTDVDL&LH K4B	8,58	89,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
69	Hà Thị Thảo	20/03/2000	ĐH QTDVDL&LH K4C	8,56	87,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
70	Đinh Thị Thu	09/07/1998	ĐH QTDVDL&LH K4C	8,5	88,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
71	Nguyễn Hoàng Anh	28/09/2000	ĐH QTDVDL&LH K4B	8,42	89,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm học tập	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Định mức	Số tiền thưởng
72	Nguyễn Đức Lộc	31/03/2000	ĐH QTDVDL&LH K4C	8,42	81,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
73	Nguyễn Phương Trang	08/10/2000	ĐH QTDVDL&LH K4B	8,38	89,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
74	Phạm Bích Hằng	24/03/2000	ĐH QTDVDL&LH K4B	8,34	89,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
75	Nguyễn Thị Lan Anh	19/04/2000	ĐH QTDVDL&LH K4A	8,28	91,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
76	Vũ Thị Cẩm Hằng	17/01/2000	ĐH QTDVDL&LH K4B	8,28	89,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
77	Nguyễn Thị Hiền	14/02/2000	ĐH QTDVDL&LH K4C	8,28	80,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
78	Ngô Thị Phương Thảo	21/05/2000	ĐH QTDVDL&LH K4C	8,28	83,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
79	Lưu Vũ Phương Linh	30/06/2000	ĐH QTDVDL&LH K4B	8,24	83,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
80	Trần Phi Hùng	01/09/2000	ĐH QTDVDL&LH K4A	8,22	84,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
81	Nguyễn Thị Khánh Vĩ	02/09/2000	ĐH QTDVDL&LH K4C	8,22	90,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
82	Chu Thiên Phúc	31/07/2000	ĐH QTDVDL&LH K4B	8,2	89,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
83	Giang Nguyệt Hằng	29/08/2000	ĐH QTDVDL&LH K4C	8,2	80,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
84	Vũ Thị Hoa Huyền	22/05/2000	ĐH QTDVDL&LH K4C	8,2	80,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
85	Lê Thị Yên Huyền	12/01/2000	ĐH QTDVDL&LH K4A	8,18	81,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
86	Lương Thùy Linh	01/06/2000	ĐH QTDVDL&LH K4C	8,18	80,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
87	Nguyễn Thị Hương	08/06/2000	ĐH QTDVDL&LH K4C	8,12	80,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
88	Nguyễn Thị Bích Ngọc	19/01/2000	ĐH QTDVDL&LH K4B	8,1	84,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
89	Nguyễn Anh Quyết	08/01/2000	ĐH QTDVDL&LH K4C	8,08	94,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
90	Trần Thị Thanh Phương	05/10/2000	ĐH QTDVDL&LH K4B	8,04	84,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
91	Đào Hồng Quyên	07/04/2000	ĐH QTDVDL&LH K4B	8,04	83,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
92	Nguyễn Thanh Hoài	29/06/2000	ĐH QTDVDL&LH K4A	8,02	82,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
93	Vũ Thị Bích Phương	08/10/2000	ĐH QTDVDL&LH K4B	8,02	84,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
94	Trần Sơn Năm	23/10/2000	ĐH QTDVDL&LH K4C	8,02	80,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
95	Đặng Quốc Việt	17/07/2000	ĐH QTDVDL&LH K4C	8	81,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
96	Lê Thị Thủy	21/03/2001	ĐH QTDVDL&LH K5B	8,38	89,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
97	Lại Thành Chung	03/03/2001	ĐH QTDVDL&LH K5B	8,28	93,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm học tập	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Định mức	Số tiền thưởng
98	Trần Thị Thanh Thủy	09/09/2001	ĐH QTDVDL&LH K5A	8,2	87,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
99	Nguyễn Thị Thủy Dương	20/10/2001	ĐH QTDVDL&LH K5C	8,08	85,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
100	Ngô Thị Thủy	05/05/2001	ĐH QTDVDL&LH K5A	8,05	87,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
101	Phạm Trung Khánh	18/06/2001	ĐH QTDVDL&LH K5A	8,03	87,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
102	Bùi Thị Thủy Dương	20/09/2001	ĐH QTDVDL&LH K5B	8	89,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
103	Trần Hương Giang	17/05/2002	ĐH QTDVDL&LH K6A	8,37	93,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
104	Nguyễn Bảo Yến	30/10/2002	ĐH QTDVDL&LH K6D	8,36	90,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
105	Đặng Tâm Nhi	29/01/2002	ĐH QTDVDL&LH K6D	8,32	92,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
106	Bùi Đức Trung	24/01/2002	ĐH QTDVDL&LH K6C	8,19	85,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
107	Nguyễn Thế Long	21/02/2002	ĐH QTDVDL&LH K6C	8,11	85,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
108	Vũ Ngọc Anh	15/08/2000	ĐH QTDVDL&LH K6D	8,11	85,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
109	Phạm Quốc Tuấn	15/08/2001	ĐH QTDVDL&LH K6C	8,03	84,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
110	Ngô Đình Tuyên	28/05/2000	ĐH QT NH&DVAU K1	8,88	92,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
111	Đoàn Kiều Trang	20/11/2000	ĐH QT NH&DVAU K1	8,47	85,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
112	Diêu Thị Bích Hằng	16/05/2000	ĐH QT NH&DVAU K1	8,3	85,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
113	Nguyễn Phương Anh	17/10/1999	ĐH QT NH&DVAU K1	8,29	84,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
114	Đàm Quang Nam	19/02/2000	ĐH QT NH&DVAU K1	8,13	86,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
115	Phạm Thu Trang	04/03/2000	ĐH QT NH&DVAU K1	8	84,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
116	Vũ Thị Phương	01/04/2001	ĐH QTNH&DVAU K2B	8,63	92,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
117	Vũ Tiến Đạt	10/09/2001	ĐH QTNH&DVAU K2A	8,16	90,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
118	Phạm Nam Sơn	25/11/2001	ĐH QTNH&DVAU K2B	8,1	85,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
119	Nguyễn Lan Anh	13/08/2001	ĐH QTNH&DVAU K2B	8,07	91,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
120	Hoàng Thị Ngoan	21/08/2001	ĐH QTNH&DVAU K2B	8,07	83,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
121	Ngô Thị Thủy Trang	03/11/2001	ĐH NN Hàn K1A	8,68	92,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
122	Lê Thị Cúc	22/08/2001	ĐH NN Hàn K1B	8,68	91,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
123	Trần Mạnh Quang	16/05/2001	ĐH NN Hàn K1B	8,21	91,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm học tập	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Định mức	Số tiền thưởng
124	Phạm Thị Lụa	02/03/2001	ĐH NN Hàn K1A	8,15	86,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
125	Nguyễn Thị Vân Anh	29/10/2001	ĐH NN Hàn K1A	8,02	86,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
126	Trần Thị Thu Hiền	16/01/2001	ĐH NN Hàn K2A	8,37	93,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
127	Phạm Tùng Dương	28/05/2001	ĐH NN Hàn K2A	8,36	81,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
128	Nguyễn Thị Hiền	06/09/2002	ĐH NN Hàn K2B	8,28	89,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
129	Nguyễn Hoàng Thiên Vũ	25/07/2002	ĐH NN Hàn K2B	8,06	94,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
130	Phạm Thanh Lam	27/05/2002	ĐH NN Hàn K2A	8,04	81,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
131	Hoàng Phương Nam	02/03/1997	ĐH NN Nhật K3	8,96	96,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
132	Nguyễn Thị Thúy Quyên	06/09/2000	ĐH NN Nhật K3	8,44	83,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
133	Phạm Thị Thu Hằng	29/05/2000	ĐH NN Nhật K3	8,26	82,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
134	Nguyễn Thuý Linh	12/09/2000	ĐH NN Nhật K3	8,11	83,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
135	Nguyễn Thị Thu Phương	02/12/2000	ĐH NN Nhật K3	8,01	82,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
136	Trương Thị Thu Thanh	05/12/2001	ĐH NN Nhật K4	8,69	98,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
137	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	09/09/2001	ĐH NN Nhật K4	8,1	95,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
138	Châu Thị Thu Thảo	25/06/2001	ĐH NN Nhật K4	8,04	85,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
139	Bùi Kim Sen	07/08/2002	ĐH NN Nhật K5A	8,04	96,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
140	Nguyễn Thị Huyền Trang	16/04/2000	ĐH NN Trung Quốc K4B	8,94	96,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
141	Nguyễn Thị Mai	29/04/2000	ĐH NN Trung Quốc K4A	8,55	90,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
142	Trần Thanh Phương	23/04/2000	ĐH NN Trung Quốc K4A	8,5	90,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
143	Nguyễn Thị Hồng Phúc	07/10/2000	ĐH NN Trung Quốc K4B	8,46	87,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
144	Dương Thị Thanh Nhân	04/06/1999	ĐH NN Trung Quốc K4A	8,36	85,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
145	Dương Thị My	01/07/2000	ĐH NN Trung Quốc K4B	8,26	91,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
146	Phạm Thị Khánh Huyền	15/01/2000	ĐH NN Trung Quốc K4B	8,19	91,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
147	Nguyễn Ngọc Ánh	17/10/1999	ĐH NN Trung Quốc K4A	8,18	90,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
148	Vũ Thị Hòa	19/04/2000	ĐH NN Trung Quốc K4B	8,17	91,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
149	Đỗ Thị Minh Ánh	05/01/2000	ĐH NN Trung Quốc K4A	8,12	85,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm học tập	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Định mức	Số tiền thưởng
150	Bùi Thị Khuyên	07/11/2000	ĐH NN Trung Quốc K4A	8,12	85,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
151	Phạm Thị Kim Hương	19/11/2000	ĐH NN Trung Quốc K4A	8,11	85,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
152	Trần Bích Phương	26/08/2000	ĐH NN Trung Quốc K4A	8,11	85,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
153	Phạm Hoàng Yến	08/02/2000	ĐH NN Trung Quốc K4B	8,09	90,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
154	Hoàng Diệu Linh	07/11/2001	ĐH NN Trung Quốc K5C	8,62	89,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
155	Nguyễn Phương Anh	02/03/2001	ĐH NN Trung Quốc K5C	8,59	89,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
156	Tô Thị Hoa	08/11/2001	ĐH NN Trung Quốc K5A	8,29	87,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
157	Đặng Thị Thuyền	11/03/2001	ĐH NN Trung Quốc K5C	8,21	84,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
158	Bùi Thị Vân Anh	03/10/2001	ĐH NN Trung Quốc K5A	8,13	94,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
159	Đinh Thị Yên	01/11/2001	ĐH NN Trung Quốc K5C	8,11	88,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
160	Lê Thị Thanh Thúy	08/11/2002	ĐH NN Trung Quốc K6F	8,28	91,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
161	Nguyễn Thị Linh	26/04/2002	ĐH NN Trung Quốc K6A	8,27	85,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
162	Vũ Thái Quỳnh	25/05/2002	ĐH NN Trung Quốc K6B	8,12	82,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
163	Bùi Minh Phương	25/12/2001	ĐH NN Trung Quốc K6D	8,12	92,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
164	Phạm Thị Khánh Huyền	10/09/2002	ĐH NN Trung Quốc K6A	8,09	83,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
165	Lưu Xuân Thiện	01/01/2002	ĐH NN Trung Quốc K6E	8,01	90,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
166	Vũ Thị Duyên	12/12/1999	ĐH NT thủy sản K3	8,95	86,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
167	Đinh Xuân Hoàn	09/02/2000	ĐH NT thủy sản K3	8,86	94,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
168	Nguyễn Xuân Bách	13/10/2001	ĐH NT thủy sản K4	8,73	94,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
169	Nguyễn Tiến Đạt	24/06/2001	ĐH NT thủy sản K4	8,12	83,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
170	Phạm Thanh Dương	07/01/2001	ĐH NT thủy sản K4	8,09	83,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
171	Nguyễn Thành Công	02/04/2001	ĐH NT thủy sản K5	8,54	91,0	Giỏi	1.500.000	7.500.000
Cộng								1.293.000.000

Bằng chữ: Một tỷ hai trăm chín mươi ba triệu đồng chẵn./.